TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ M** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28 - 7 - 2023
"*V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ M - TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thìn

Bà Đặng Thị Tuyết Hương

Thư ký phiên toà: Ông Lê Tiến Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã M, tỉnh Hưng Yên

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã M, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên toà: Bà Đặng Thị Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở, Tòa án nhân dân thị xã M, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 114/2022/TLST - HNGĐ ngày 13/12/2022 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 12/6/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2023/QĐST - HNGĐ ngày 04/7/2023 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị D, sinh năm 1982 (có mặt).

Nơi thường trú: Khu tập thể Ủy ban nhân dân Hện, phường B, thị xã M, tỉnh Hưng Yên.

Nơi tạm trú: Thôn T 3, xã C, thị xã M, tỉnh Hưng Yên.

* *Bị đơn:* Anh Nguyễn Xuân H, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Nơi thường trú: Khu tập thể Ủy ban nhân dân Hện, phường B, thị xã M, tỉnh Hưng Yên.

Nơi tạm trú: Thôn T 3, xã C, thị xã M, tỉnh Hưng Yên.

* *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

+ Cháu Nguyễn T, sinh ngày 12/01/2006 (vắng mặt)

+ Cháu Nguyễn Thanh H, sinh ngày 07/12/2011 (vắng mặt)

+ Cháu Nguyễn Quang M, sinh ngày 31/01/2016 (vắng mặt)

Đều có nơi thường trú: Khu tập thể Ủy ban nhân dân Hện, phường B, thị xã M, tỉnh Hưng Yên.

Đều có nơi ở hiện nay: Thôn T 3, xã C, thị xã M, tỉnh Hưng Yên.

Đại diện theo pháp luật của cháu T, cháu Thanh H, cháu Quang Minh:

+ Chị Phạm Thị D, sinh năm 1982 (có mặt).

Nơi thường trú: Khu tập thể Ủy ban nhân dân Hện, phường B, thị xã M, tỉnh Hưng Yên.

Nơi tạm trú: Thôn T 3, xã C, thị xã M, tỉnh Hưng Yên.

+ Anh Nguyễn Xuân H, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Nơi thường trú: Khu tập thể Ủy ban nhân dân Hện, phường B, thị xã M, tỉnh Hưng Yên.

Nơi tạm trú: Thôn T 3, xã C, thị xã M, tỉnh Hưng Yên.

* Người làm chứng:

- Bà Phạm Thị B, sinh năm 1954 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T 3, xã C, thị xã M, tỉnh Hưng Yên.

- Ông Nguyễn Xuân H, sinh năm 1955 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà 205 đường Phạm Ngũ Lão, phường Quang Trung, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và lời khai của chị Phạm Thị D tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án như sau: Chị và anh Nguyễn Xuân H kết hôn tự nguyện và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C ngày 17/9/2005. Vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau thường xuyên xảy ra xô xát cãi nhau, vợ chồng không thống nhất trong làm ăn kinh tế nên đầu tư làm ăn kinh tế thua lỗ dẫn đến nợ nần pH bán nhà, không đủ tiền thuê nhà nên vợ chồng pH về sống nhờ nhà đất của mẹ chị. Từ tháng 8/2022, mặc dù vợ chồng chị tuy sống cùng nhà nhưng việc của ai người đó làm không quan tâm gì đến nhau, tháng 10/2022 chị làm đơn khởi kiện ly hôn anh H tại Tòa án nhân dân thị xã M nhưng do anh H xin lỗi chị, mẹ chồng chị (là mẹ đẻ của anh H) khi đó ốm nặng nên chị nghĩ thương các con còn nhỏ, thương mẹ chồng ốm yếu và chị cũng mong muốn cho anh H một cơ hội do vậy chị đã rút đơn khởi kiện và Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án. Tuy nhiên, kể từ sau khi chị rút đơn, tình cảm giữa chị và anh H không cải thiện, mâu thuẫn vợ chồng không hàn gắn được, vợ chồng vẫn thường xuyên cãi nhau. Chị xác định vợ chồng không thể tiếp tục chung sống cùng nhau nên chị làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị và anh H được ly hôn. Kể từ sau khi chị làm đơn ly hôn, anh H cũng thuê nhà ra ở riêng, vợ chồng không còn chung sống, quan tâm chăm sóc nhau.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 03 con chung là cháu Nguyễn T, sinh ngày 12/01/2006; cháu Nguyễn Thanh H, sinh ngày 07/12/2011; cháu Nguyễn Quang M, sinh ngày 31/01/2016. Hiện nay chị không có thai. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được nuôi cả ba con chung, trường hợp không được chị đề nghị Tòa án cho chị nuôi hai con gái là cháu T và cháu Thanh H, anh H nuôi cháu Quang Mlà con trai; chị và anh H không pH cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Chị xác định hiện nay chị làm công nhân tại Công ty TNHH SmarViet (địa chỉ: Thành phố Hà Nội), chị có thu nhập để nuôi con; ngoài ra hiện nay chị sống tại nhà đất của mẹ đẻ chị ở thôn T 3, xã C, thị xã M, tỉnh Hưng Yên; chị cũng đã trao đổi với mẹ chị về việc ly hôn và nuôi con; mẹ chị sẽ tạo mọi điều kiện để chị có thể nuôi con.

Chị xác định vợ chồng chị không có tài sản chung; vợ chồng không nợ ai, không cho ai vay nợ; chị không có ruộng nông nghiệp; vợ chồng chị không có công sức với hai bên gia đình nên chị tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông H (là bố đẻ của anh H) xác định: Anh H, chị D là vợ chồng, có đăng ký kết hôn. Sau ngày cưới anh chị về sống cùng ông khoảng 03 năm thì ở riêng. Quá trình chung sống vợ chồng anh chị có mâu thuẫn như thế nào thì ông không nắm được; đến nay chị D làm đơn ly hôn ông mong muốn vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc trường hợp chị D cương quyết ly hôn ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Anh chị có 03 con chung là cháu Nguyễn T, cháu Nguyễn Thanh H và cháu Nguyễn Quang Minh, hiện nay các cháu đang ở cùng chị D, về vấn đề con chung ông đề nghị để anh H, chị D tự giải quyết. Hiện nay anh H làm nghề lái xe, thu nhập bao nhiêu thì ông không nắm được. Anh H chị D không có tài sản nhà đất, không nợ ai, không cho ai vay nợ, không có công sức đóng góp đối với hai bên gia đình, vợ chồng ông cũng không có tài sản gì liên quan đến anh H, chị D. Đối với các văn bản tố tụng của Tòa án, ông H xác định đã nhận và cam kết giao cho anh H.

Bà B (là mẹ đẻ của chị D) trình bày: Bà xác nhận anh H, chị D là vợ chồng, có đăng ký kết hôn năm 2005. Quá trình sinh sống, anh chị có phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do anh chị không thống nhất trong làm ăn kinh tế, vợ chồng thường xuyên xô xát đánh cãi chửi nhau. Đầu năm 2022, anh chị về sống cùng bà, bà thường xuyên chứng kiến việc anh chị xô xát cãi nhau, chị D đã làm đơn ly hôn anh H một lần nhưng sau đó rút đơn; tuy nhiên kể từ sau khi chị D rút đơn tình cảm vợ chồng anh chị không cải thiện, vợ chồng vẫn thường xuyên cãi nhau, vợ chồng tuy sống cùng nhà nhưng việc của ai người đó làm không quan tâm đến nhau. Cuối năm 2022 chị D tiếp tục làm đơn ly hôn, anh H không sống cùng chị D tại nhà đất của bà mà thuê nhà ra ở riêng, kể từ đó vợ chồng anh chị sống ly thân không còn quan tâm chăm sóc nhau. Gia đình bà đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn. Bà đề nghị Tòa án giải quyết cho chị D được chăm sóc nuôi dưỡng cả 03 con chung; trường hợp không được bà đề nghị Tòa án giải quyết cho chị D được nuôi 02 con gái, anh H nuôi 01 con trai; bà cam kết sẽ tạo điều kiện cho chị D về nơi ăn ở để nuôi con và sẽ có trách nhiệm cùng chị D chăm sóc và nuôi dưỡng cháu. Bà xác định không liên quan gì đến vợ chồng chị D về kinh tế, bà không cho anh, chị vay cũng như không nợ anh chị nên bà tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh H nhiều lần tuy nhiên anh H không đến Tòa án làm việc, do vậy Tòa án không lấy được lời khai của anh H. Tại phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; anh H mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt nên Tòa án không tiến hành hoà giải được. Do vậy pH đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên toà hôm nay:

Chị D giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh H được ly hôn. Về con chung: Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con gái là cháu T và Thanh H đến khi hai cháu thành niên; anh H chăm sóc nuôi dưỡng cháu Mđến khi cháu Mthành niên để làm cầu nối tình cảm giữa hai gia đình sau ly hôn; chị và anh H không pH cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Về tài sản, nợ, ruộng nông nghiệp, công sức chị tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã M trình bày quan điểm: Toà án thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, lập biên bản hòa giải và đưa vụ án ra xét xử đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Viện kiểm sát đề nghị Tòa án giải quyết cho chị D được ly hôn anh H. Giao cháu T và Thanh H cho chị D chăm sóc nuôi dưỡng đến khi thành niên; giao cháu Mcho anh H nuôi dưỡng chăm sóc đến khi thành niên; anh chị không pH cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Về tài sản, nợ, ruộng, công sức không pH giải quyết. Chị D pH chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và trên cơ sở xem xét khách quan toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự, kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tranh chấp giữa nguyên đơn là chị Phạm Thị D và anh Nguyễn Xuân H là tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con. Chị D khởi kiện xin ly hôn anh H, anh H có nơi cư trú tại thị xã M, tỉnh Hưng Yên nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thị xã M theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa mặc dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt bị đơn là anh H, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng. Vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 229, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Qua lời trình bày của nguyên đơn là chị D, người làm chứng cũng như các tài liệu chứng cứ do đương sự giao nộp đã phù hợp với nội dung xác Mtại Ủy ban nhân dân xã C, Ủy ban nhân dân phường B, Ủy ban nhân dân phường N, nên có đủ căn cứ xác định anh H, chị D đăng ký kết hôn tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã C năm 2005 và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn là đúng theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, hôn nhân của anh chị là hợp pháp và việc chị D khởi kiện ly hôn đối với anh H sẽ được Tòa án xem xét và giải quyết theo thủ tục ly hôn.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án triệu tập anh H đến Tòa án để lấy lời khai cũng như phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải nhưng anh H không đến nên việc hòa giải giữa vợ chồng anh chị không tiến hành được. Căn cứ tài liệu chứng cứ thu thập tại hồ sơ vụ án thì thấy: Chị D, anh H là vợ chồng đã có thời gian chung sống hạnh phúc sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, việc làm ăn kinh tế của vợ chồng gặp nhiều khó khăn, vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát cãi nhau. Chị D đã làm đơn khởi kiện ly hôn anh H đến Tòa án nhân dân thị xã M nhưng sau đó chị rút đơn khởi kiện và Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án. Kể từ sau khi chị D rút đơn khởi kiện, mâu thuẫn vợ chồng không hàn gắn được, vợ chồng tuy sống cùng nhà nhưng việc của ai người đó làm không quan tâm đến nhau. Tháng 12/2022 chị D tiếp tục

làm đơn khởi kiện ly hôn anh H, kể từ sau khi Tòa án thụ lý vụ án, anh H thuê nhà ra ở riêng; vợ chồng sống ly thân không còn quan tâm chăm sóc nhau; Tòa án đã tiến hành tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ cho anh H nhưng anh H không đến Tòa án làm việc, không đưa ra được phương án hòa giải đoàn tụ. Tất cả những tình tiết này đã phản ánh đúng thực trạng hôn nhân của vợ chồng anh chị, tình cảm yêu thương gắn bó giữa anh chị không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy Toà án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị D; giải quyết cho chị D được ly hôn anh H.

[2.2]. Về con chung: Chị D, anh H có 03 con chung là cháu Nguyễn T, sinh ngày 12/01/2006; cháu Nguyễn Thanh H, sinh ngày 07/12/2011; cháu Nguyễn Quang M, sinh ngày 31/01/2016. Tại phiên tòa chị D đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được nuôi hai con gái là cháu T và cháu Thanh H; anh H nuôi con trai là cháu Quang M; chị và anh H không pH cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Xét yêu cầu nuôi con chung của chị D thì thấy: Hiện nay chị D làm công nhân, có thu nhập ổn định tuy nhiên nếu giao cả ba con chung cho chị D nuôi dưỡng theo nguyện vong của các cháu sẽ không đảm bảo việc chăm sóc, phát triển toàn diện của các cháu; qua xác Mvới nhân thân của anh H, xác Mthu nhập của chính quyền địa phương nơi anh H cư trú thì thấy anh H hiện có nghề nghiệp, có nơi ăn ở ổn định nên sẽ giao cháu Quang Mcho anh H chăm sóc nuôi dưỡng đến khi cháu Quang Mthành niên; giao cháu T và cháu Thanh H cho chị D chăm sóc nuôi dưỡng đến khi hai cháu thành niên; do anh chị đều nuôi con nên không pH cấp dưỡng nuôi con cho nhau là phù hợp pháp luật, đảm bảo sự phát triển toàn diện của các cháu.

[2.3]. Về tài sản chung, vay nợ, ruộng nông nghiệp, công sức: Quá trình giải quyết vụ án, anh H không đến Tòa án làm việc; chị D tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ, ruộng, công sức của vợ chồng nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết. Sau này, nếu anh H có yêu cầu thì giải quyết trong vụ án khác.

[3]. Về án phí: Chị D pH chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Toà án.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị D được ly hôn anh Nguyễn Xuân H.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn T, sinh ngày 12/01/2006; cháu Nguyễn Thanh H, sinh ngày 07/12/2011 cho chị Phạm Thị D chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu T và cháu Thanh H thành niên.

Giao cháu Nguyễn Quang M, sinh ngày 31/01/2016 cho anh Nguyễn Xuân H chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu Quang Mthành niên.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Chị D, anh H không pH cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Chị D, anh H có quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung, không ai được cản trở chị D, anh H thực hiện quyền này.

Chị D, anh H có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

Về tài sản, vay nợ, công sức và ruộng nông nghiệp: Không pH giải quyết.

Án phí: Chị Phạm Thị D pH chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm ly hôn. Được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn 300.000 đồng chị D đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013226 ngày 13/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã M. Chị D đã nộp xong án phí sơ thẩm ly hôn.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt được kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- *VKSND thị xã M;*
- *Phòng KTNV &THS TAND tỉnh Hưng Yên;*
- *Chi cục T.H.A DS thị xã M;*
- *Đương sự;*
- *UBND xã C;*
- *Lưu HS vụ án.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Thị Oanh

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TỌA**

PHAN XUÂN HÙNG **VŨ THU HIỀN** **NGUYỄN THỊ OANH**